

"ĐƯA MỘT CÁCH KHÔNG ÚP MỞ CHỦ NGHĨA DUY VẬT TRỞ LẠI NGÔI VUA" - MỘT CỐNG HIẾN LỚN LAO CỦA L.PHOIỐBẮC

NGUYỄN BÁ DƯƠNG (*)

Trong hàng ngũ vĩ nhân của lịch sử triết học, Lútvích Phoiốbắc (1804 - 1872) chiếm một vị trí nổi bật. Ông đã đi vào lịch sử tư tưởng nhân loại với tư cách một trong những đại diện lỗi lạc nhất của nền triết học cổ điển Đức, một trong những nhà duy vật lớn nhất của thời kỳ trước Mác. Cùng với triết học Cantơ, Phíchơ, Selinh và Hêgen, triết học Phoiốbắc đã trở thành tiền đề lý luận cho sự ra đời triết học Mác, chủ nghĩa Mác.

Kỷ niệm 200 năm Ngày sinh của một vĩ nhân - nhà khoa học, nhà triết học lỗi lạc L.Phoiốbắc là dịp tốt để chúng ta khẳng định tầm vóc lịch sử và ý nghĩa thời đại của thế giới quan duy vật, vô thần mà ông là một đại diện tiêu biểu.

Những cống hiến về triết học của L.Phoiốbắc thật là to lớn, trong đó việc đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo, làm sống lại chủ nghĩa duy vật, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa duy vật, "đưa một cách không úp mở chủ nghĩa duy vật trở lại ngôi vua"(1) là chiến công đầu, có ý nghĩa lớn lao, hàm chứa giá trị xã hội và nhân văn đặc sắc.

1. *L.Phoiốbắc xây dựng quan niệm mới về triết học và đề cao vai trò của nó.* Với mong muốn dùng triết học để giúp ích cho đời và "sửa lại những hạn chế" của các nhà triết học tiền bối, L.Phoiốbắc mơ ước "xây dựng một thứ triết học mới", "triết học của tương lai". Ông cho rằng, "triết học mới biến con người, kể cả giới tự nhiên với tư cách nền tảng của con người thành

đối tượng duy nhất, phổ biến, cao nhất của triết học và do vậy, nó cũng biến nhân bản học, kể cả sinh lý học, thành khoa học phổ biến"(2). Vì thế, sự kết hợp giữa tự nhiên và con người, theo ông, là đối tượng chân chính của triết học. Sự kết hợp này bền bỉ hơn, may mắn hơn, có lợi hơn là sự kết hợp gượng ép đang tồn tại giữa triết học với thần học. Và, do lấy con người làm đối tượng nghiên cứu, nên triết học mới này có tính nhân bản về bản chất. Nhân bản được L.Phoiốbắc coi là gốc của triết học, tức là học thuyết về con người, là triết học mới, có sức mạnh tìm ra lời giải đáp đích thực để giải quyết mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại. Triết học mới khác hẳn với triết học cũ, bởi triết học cũ gắn liền với thần học, chứng minh cho sự tồn tại vĩnh hằng của Thượng đế; còn triết học mới thì kết hợp chặt chẽ với giới tự nhiên, thực hiện sứ mệnh cao cả, thiêng liêng của mình là giúp con người tự ý thức về năng lực hiện thực trong việc đạt tới hạnh phúc và hiểu con người như một bộ phận của giới tự nhiên. Triết học cũ do gắn chặt với tôn giáo, nên nó chỉ hứa suông trong việc cứu vớt con người sau khi chết. Đó là điều nhắm nhĩ, vì sự tồn tại của "một thế giới bên kia" là điều không thể có, trên đời này chỉ có một thế giới hiện thực duy nhất đang tồn tại là thế giới vật chất và triết

(*) Tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị - Quản lý.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.21. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.401.

(2) L.Phoiốbắc. *Tuyển tập các tác phẩm triết học*, gồm 2 tập, t.I. Mátxcova, 1955, tr.202.

học phải giúp con người nhận thức, tìm thấy hạnh phúc ngay trên thế giới trần gian khi họ đang sống. Do vậy, con người và tự nhiên là điểm khởi đầu của triết học và trong bản tính của con người, chúng luôn thống nhất với nhau, không thể tách rời nhau.

Nguyên lý nhân bản học đó thể hiện rõ ý đồ của L.Phoiobác là muốn tạo dựng một hệ thống quan điểm triết học duy vật dựa trên cơ sở sinh lý học, tâm lý học về con người, hướng thẳng vào việc chống chủ nghĩa duy tâm và cái gọi là "ý niệm tuyệt đối", siêu nhân loại, siêu tự nhiên của Hêgen. Đề cao triết học nhân bản, L.Phoiobác kiên kị nói đến chủ nghĩa duy vật. Ông đã từ chối và không thừa nhận triết học của mình là duy vật, mặc dù luôn cho rằng, trách nhiệm của ông là bảo vệ và khôi phục lại địa vị xứng đáng cho triết học duy vật của các bậc tiền bối và đưa chủ nghĩa duy vật ấy lên tầm cao mới, xứng đáng với vị trí "ngôi vua" vốn có của nó.

Kế thừa và phát triển triết học của các nhà duy vật thế kỷ XVII - XVIII, như Spinôda, Lametri, Hônbach, Đidrô, L.Phoiobác đã khẳng định thế giới là vật chất, là giới tự nhiên; thế giới ấy tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý thức con người. Giới tự nhiên là hiện thực duy nhất, còn con người là sản phẩm cao nhất của nó, là sự biểu hiện, sự hoàn thiện của giới tự nhiên. Do vậy, giới tự nhiên là cơ sở và con người lớn lên trên cơ sở đó, người ta chỉ có thể giải thích đúng đắn nguồn gốc của giới tự nhiên khi nào xuất phát từ chính bản thân nó, cơ sở tồn tại của giới tự nhiên nằm ngay trong lòng giới tự nhiên. Chế độ "ý niệm tuyệt đối" của Hêgen, L.Phoiobác mỉa mai: không thể tưởng tượng được rằng, tại sao và bằng

cách nào mà "ý niệm tuyệt đối" của Hêgen lại "tha hoá" ra được giới tự nhiên, trong khi giới tự nhiên này lại là "sản phẩm" của Thượng đế, là "sự tồn tại khác" của tinh thần thế giới. Cõi ý thức là thuộc tính đặc biệt của vật chất, ông khẳng định: "Quan hệ thật sự của tư duy đối với tồn tại là: Tồn tại - chủ thể, tư duy - thuộc tính"(3). Với quan niệm này, L.Phoiobác đã giải quyết vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường duy vật, thừa nhận vật chất, giới tự nhiên là có trước, "là thực thể duy nhất" sản sinh ra con người và ý thức của con người. Con người là một bộ phận của giới tự nhiên. Vật chất không do ai sáng tạo ra, nó tồn tại vĩnh viễn và vô hạn, vật chất quyết định ý thức.

2. *L.Phoiobác bảo vệ quan niệm duy vật về vật chất và vận động, không gian và thời gian.* Khi thừa nhận một trong những thuộc tính căn bản nhất của vật chất là vận động, L.Phoiobác đã khẳng định vật chất và vận động là không thể tách rời mà vận động thì tồn tại vĩnh viễn, nên vật chất cũng tồn tại vĩnh hằng. Vật chất có nhiều tính chất, do đó vận động cũng đa dạng. Ông phản đối việc quy vận động vào sự di chuyển vị trí trong không gian - vận động cơ giới. Theo ông, tất cả mọi sự vật đều vận động và mọi sự vận động đều là sự vận động qua lại, là sự quay vòng của vật chất. Vận động không do ai sáng tạo ra và không thể bị tiêu diệt. Vật chất vận động và phát triển trong không gian, thời gian; không gian và thời gian là những hình thức tồn tại căn bản của vật chất, không phải sự vật lấy chúng làm tiền đề mà ngược lại, chúng lấy sự vật làm tiền đề. Bởi lẽ, không gian hay là khoảng rộng, mọi sự vật đều chiếm một

(3) L.Phoiobác. *Sdd.*, t.I, tr.128.

khoảng rộng nào đó làm tiền đề; còn thời gian thì luôn lấy một sự vật nào đó đang vận động làm tiền đề. Tất cả đều có không gian và thời gian. Với quan niệm này, L.Phoiobắc đã bác bỏ quan niệm duy tâm chủ quan của Cantơ về không gian, thời gian - quan niệm coi không gian, thời gian chỉ là những phạm trù tiên thiên mà nhờ đó, các sự vật được sắp xếp lại, có trật tự.

3. *L.Phoiobắc phát triển nhận thức luận duy vật.* Chống lại bất khả tri luận và quan điểm duy tâm của Cantơ trong nhận thức, L.Phoiobắc chứng minh rằng, thế giới vật chất tồn tại một cách khách quan và con người có thể nhận thức được thế giới ấy. Theo ông, sai lầm của Cantơ là đã đặt trước nhận thức một giới hạn tuyệt đối, tựa như hàng rào mà người ta không thể bước qua được và khi làm như thế, Cantơ đã tước đoạt, cướp đi sức mạnh của nhận thức, trói buộc và ngăn cản con người nhận thức, khám phá, chinh phục thế giới.

L.Phoiobắc khẳng định, đối với nhận thức của con người thì không có sự cản trở nào không thể khắc phục được; càng khó khăn, phức tạp thì nhận thức của con người càng có điều kiện phát triển và thể hiện sức mạnh khám phá bí mật của thế giới. Và, khi phát triển, làm sâu sắc thêm cảm giác luận duy vật, ông đã quả quyết rằng, cảm giác là cội nguồn của nhận thức, nhận thức bắt đầu từ cảm giác. Đe cao lý trí con người, ông tin tưởng rằng, bằng lý trí, con người có thể nhận thức đúng đắn mọi hiện tượng của thế giới khách quan. Vượt lên trên các nhà triết học của phái Hêgen trẻ và các nhà duy vật cùng thời, L.Phoiobắc đã nhìn thấy vai trò hết sức quan trọng của các giác quan và bộ óc con người cũng như mối quan hệ giữa cảm giác và trí tuệ. Ông đã đúng khi

cho rằng, đọc sách bằng giác quan nhưng không được dùng giác quan để hiểu bản chất của nó; rằng những gì mà vào thời của mình, con người còn chưa nhận thức được thì sau này, con người sẽ nhận thức được.

4. *L.Phoiobắc đưa ra nhiều luận điểm theo chiều hướng của quan điểm mang mầm mống duy vật về lịch sử.* Khi khẳng định ý thức là sản phẩm của bộ óc người, L.Phoiobắc cho rằng, người ta chỉ có thể suy nghĩ bằng đầu óc tồn tại một cách cảm tính của mình. Lý trí có trong đầu óc, trong bộ não, nơi tập trung của các giác quan và do vậy, nó luôn có một cơ sở cảm tính vững chắc. Hiểu rõ vai trò quyết định của đời sống hiện thực đối với suy nghĩ, ý thức của con người, ông cho rằng, ở cung điện, người ta suy nghĩ khác với khi ở trong những gian nhà lá. Phoiobắc còn hiểu được vai trò của cái ăn, cái mặc, hiểu được giá trị của các sản phẩm lao động mà con người làm ra với ý nghĩa là cái quyết định cuộc sống con người, quy định sự phát triển của xã hội. Lập luận của ông về vấn đề này thật giản dị, nhưng lại có tính thuyết phục cao, vì nó phản ánh chân thật cái điều hiển nhiên mà cuộc sống vốn có. Và, ông đã đúng khi cho rằng, vì đói nghèo, vì thiếu ăn, có nghĩa là trong con người không có chất bổ và như vậy thì trong đầu óc, trong tình cảm và trong tim anh ta cũng không có chất bổ cho đạo đức.

Mầm mống của quan điểm duy vật về lịch sử ở Phoiobắc còn thể hiện rõ trong quan niệm về sự tiến hoá, về sự phát triển của đời sống xã hội. Theo Phoiobắc, đất đai và sự sống ngày nay là kết quả của sự phát triển lâu dài của bản thân thế giới vật chất. Sự xuất hiện của đời sống không phải là ngẫu nhiên, mà là "một hành động tất nhiên" với những điều kiện khách quan cho phép; do đó, chỉ có thể giải thích

đúng dẫn nguồn gốc của thế giới vật chất khi xuất phát từ chính bản thân nó. Sự phát sinh và tồn tại của con người không phải do Thượng đế sáng tạo, mà do giới tự nhiên tự sản sinh. Rằng, nhà nước là do con người xây dựng nên và con người có thể xoá bỏ nhà nước khi nó đã lỗi thời để xây dựng nên nhà nước tiến bộ hơn; và để xã hội ổn định, phát triển thì mọi thành viên trong xã hội đều phải có của cải riêng, có ruộng đất, nhà cửa, vật dùng..., nhờ đó mà sự ganh đua, sự bất công, tệ nạn xã hội dần được xoá bỏ, tính "chân thật của con người" được nảy nở, phát triển, đơm hoa và kết trái.

5. Vượt lên trên các nhà triết học cùng thời, *Phoiobắc là người đầu tiên nhìn thấy tác hại và sự cản trở của chủ nghĩa duy tâm Hêgen đối với sự phát triển của khoa học và xã hội*. Ông đã dứt khoát chia tay với phái Hêgen trẻ, tự mình nhận trách nhiệm khôi phục lại chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa vô thần của các bậc tiền bối, coi đó là vũ khí cần thiết để đấu tranh phê phán chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo nói chung, chủ nghĩa duy tâm của Hêgen nói riêng, mở đường cho khoa học và xã hội tiến lên. Điều đó nói lên dũng khí và lòng quả cảm của nhà triết học duy vật - người chiến sĩ kiên cường dám đả phá những điều linh thiêng, những chân lý tuyệt đối, bất khả xâm phạm mà khi đó, đang thống trị nhận thức và xã hội Đức nói riêng, xã hội Tây Âu nói chung. L.Phoiobắc đã xé toang bức màn đêm, đưa lại ánh sáng và sức mạnh tinh thần mới cho nhân loại và ông cho rằng khoa học và xã hội chỉ có thể tiến lên phía trước khi người ta biết đập phá tan tành cái cũ, rũ bỏ cái đã lỗi thời là chủ nghĩa duy tâm Hêgen và tôn giáo của "bọn thầy tu". Đây là một đóng góp xuất sắc của Phoiobắc cho nền triết học cổ điển

Đức, một trong những thành tựu có ý nghĩa lớn nhất của triết học duy vật trước Mác.

L.Phoiobắc đã vạch ra nguồn gốc, bản chất và tác hại của tôn giáo, khẳng định tình cảm tôn giáo không phải là bẩm sinh của con người. Tôn giáo là sự lầm lẫn của con người, phản ánh một cách xuyên tạc đời sống hiện thực; nó ra đời và tồn tại là do sự "ngu dốt của con người" tạo nên. Tôn giáo là có hại, nó làm cho trí tuệ con người ngừng trệ, trở nên tiêu cực. Rằng, tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm là bạn đồng minh, chúng bênh vực và ủng hộ lẫn nhau. Tôn giáo bào chữa cho chủ nghĩa duy tâm và ngược lại, cả hai "kẻ tung người hứng" cùng nhau mê hoặc, thống trị đời sống tinh thần con người. Do vậy, muốn phủ nhận chủ nghĩa duy tâm phải đồng thời phủ nhận Thượng đế của tôn giáo. Và, khi coi triết học của Hêgen là điểm cao nhất và là điểm kết thúc của triết học duy tâm, tôn giáo ở Đức, L.Phoiobắc cho rằng, thứ triết học ấy cũng cần phải loại bỏ, bởi nó phủ nhận sự tồn tại khách quan của giới tự nhiên chỉ vì để tuyệt đối hoá ý thức, đặt ý thức, tinh thần, cái "siêu nhiên", Thượng đế đứng trên giới tự nhiên và cái gọi là "ý niệm tuyệt đối" chẳng qua chỉ là sự trừu tượng hoá thô thiển, chỉ là sự cấu tạo gượng ép, giả tạo nhằm đem khái niệm thay thế giới tự nhiên.

Không dừng lại ở việc phê phán chủ nghĩa duy tâm khách quan của Hêgen, *L.Phoiobắc còn có những đóng góp đáng kể trong phê phán chủ nghĩa duy tâm chủ quan của Phíchơ, bác bỏ nhị nguyên luận của Cantơ*. Theo Phoiobắc, nếu xung quanh ta tất cả đều là cảm giác thì con người sẽ không bao giờ đói khát. Nhưng trên thực tế, con người đòi hỏi phải có ăn, uống... nếu không, người ta sẽ chết. Nếu

tất cả mọi thứ đều là cảm giác thì người ta có thể làm ra người khác bằng cảm giác của mình và như thế, đàn ông không cần đến đàn bà, đàn bà không cần đến đàn ông, vì họ đều là cảm giác của nhau.

Không chỉ đoạn tuyệt với chủ nghĩa duy tâm, L.Phoiobác còn đoạn tuyệt với cả chủ nghĩa duy vật tâm thường, khi ông vạch ra sai lầm của Phốc, Mólêst... Tuy các quan điểm của Phoiobác về vấn đề này chưa hẳn đã hoàn toàn đúng, song thái độ và dũng khí của ông thật đáng trân trọng và hoan nghênh.

Với tất cả những đóng góp đó, chủ nghĩa duy vật nhân bản của L.Phoiobác đã đóng vai trò lớn lao trong việc phát triển nền văn hoá tiến bộ Đức và có ảnh hưởng không nhỏ đến nhiều nhà tư tưởng tiên tiến, góp phần hình thành quan điểm của các nhà dân chủ cách mạng thế kỷ XIX, đặc biệt là đối với sự hình thành thế giới quan triết học duy vật biện chứng của C.Mác và Ph. Ăngghen, nhất là vào những năm 1841 - 1844. Chủ nghĩa duy vật nhân bản của L.Phoiobác đã trở thành nguồn gốc lý luận trực tiếp của triết học Mác và được coi là "nhịp cầu trung gian" giữa triết học Hêgen và triết học duy vật biện chứng.

C.Mác và Ph.Ăngghen luôn đánh giá cao vai trò của L.Phoiobác, tự thừa nhận mình là "môn đồ của Phoiobác", tin và đi theo chủ nghĩa duy vật Phoiobác với một tinh thần hào hứng, phấn khởi. Đối với C.Mác và Ph. Ăngghen, triết học Phoiobác là một con đường đi tới chân lý và tự do. Hai ông thừa nhận rằng, sự phê phán triết học Hêgen và chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo ở các ông chỉ "có tính chất tích cực là bắt đầu từ sau khi gặp Phoiobác", bởi các tác phẩm của L.Phoiobác đã có tác dụng giải phóng quan điểm duy vật khỏi chủ nghĩa duy tâm thần bí, trừu tượng, củng

cố lòng tin duy vật cho các ông. Tuy nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra hạn chế lịch sử của triết học Phoiobác là ở chỗ, nó mang tính chất tĩnh quan, siêu hình, máy móc, duy tâm về mặt xã hội, duy vật ở nửa dưới, còn nửa trên lại là duy tâm. Rằng, L.Phoiobác không hiểu phép biện chứng của Hêgen, không nắm được cái "hạt nhân hợp lý" của triết học Hêgen; phê phán tôn giáo nhưng lại sai lầm khi cố dựng lên một thứ tôn giáo mới không có Thượng đế.

Chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế ấy, C.Mác và Ph.Ăngghen cũng đã khẳng định rằng, tuy còn một số hạn chế lịch sử, song triết học duy vật của L.Phoiobác là một trong những thành tựu lớn của tư tưởng triết học nhân loại, thể hiện quan điểm, tư tưởng của giai cấp tư sản tiến bộ Đức cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. Công lao lịch sử của L.Phoiobác là ở chỗ kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo, làm sống lại và phát triển chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa vô thần lên tầm cao mới với mong muốn triết học phục vụ tốt hơn cho cuộc sống con người.

Những cống hiến và hạn chế của triết học Phoiobác đã và đang đặt ra những vấn đề về sự cần thiết phải xây dựng, củng cố và phát triển thế giới quan duy vật biện chứng và chủ nghĩa vô thần, có như vậy mới đem lại cho chúng ta "công cụ nhận thức vĩ đại" để cải tạo thế giới vì sự tiến bộ và hạnh phúc của con người.

Với tất cả tấm lòng trân trọng và kính phục, chúng ta kỷ niệm 200 năm Ngày sinh L.Phoiobác để tưởng nhớ một con người vĩ đại, trọn đời đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa vô thần. □